

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-ST

Ngày: 29-9-2021

V/v Tranh chấp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Na Rét.

Bà Quách Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Xa M, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Bà Võ Thị L, sinh năm 1953 (vắng mặt).

2. Ông Tống Phước B, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Tống Hoàng C, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị A, sinh năm 1958 (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị Ngọc G, sinh năm 1985 (có mặt).

3. Ông Lâm Hoàng P, sinh năm 1978 (vắng mặt).

4. Bà Lê Thị D, sinh năm 1975 (có mặt).

5. Bà Diệp Thị C, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Tân T, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà Thạch Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

7. Ông Thạch Ngọc H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ trình bày:

Bà có tham gia 01 chân hụi mức 5.000.000 đồng, mở ngày 06/6/2012 âm lịch do vợ chồng bà Võ Thị L, ông Tống Phước B làm đầu thảo, hụi có 25 chân, bà đóng trực tiếp cho bà L 14 lần, việc đóng hụi không biên nhận, không người chứng kiến, sau đó bà lên thành phố làm thuê, có gửi về cho con tên Võ Thị Ngọc G đóng thêm 10 lần, tổng cộng đã đóng hụi cho bà L được 24 lần. Nay hụi đã mãn nhưng bà L, ông B vẫn chưa chung tiền hụi cho bà. Sau khi trở về địa phương bà có đến gặp bà L để đòi tiền hụi, bà L có năn nỉ xin cho trả vốn số tiền 46.000.000 đồng, bà cũng đồng ý, bà L có nói bà Lê Thị D còn nợ bà L và sẽ kêu bà D trả cho bà số tiền trên. Tuy nhiên, chỉ nói như vậy chứ ba người gồm bà, bà L, bà D chưa có giáp mặt với nhau để thỏa thuận. Sau đó bà có đi gặp bà D để đòi tiền nhưng bà D không đồng ý mà nói nợ ai thì trả người đó. Thời gian không nhớ, bà L có gởi cho Võ Thị Ngọc G được 1.000.000 đồng. Đến nay số tiền hụi sống bà vẫn chưa nhận được. Nay bà yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi sống 24 lần x 5.000.000 đồng = 120.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng và trừ 1.000.000 đồng bà L đã trả, số tiền còn lại yêu cầu bị đơn thanh toán là 116.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm thanh toán trên số tiền 116.500.000 đồng, tính từ ngày mãn hụi ngày 14/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Tống Hoàng C trình bày:

Bà Đ có tham gia hụi do cha mẹ ông là bà Võ Thị L, ông Tống Phước B làm đầu thảo, tham gia 01 chân, hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 06/6/2012 âm lịch, có 25 chân, dây hụi này đã ngưng khui vào lần khui thứ 20 do nhiều hụi viên hốt hụi nhưng không đóng. Bà Đ chỉ đóng được 09 lần thì ngưng đóng. Nay bà Đ khởi kiện cho rằng đã đóng được 24 lần hụi sống và yêu cầu phải trả số tiền 120.000.000 đồng bị đơn không đồng ý. Nay chỉ đồng ý trả cho bà Đ số tiền bà Đ đã đóng 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng đã gửi cho bà G, số tiền còn lại đồng ý trả 44.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật cho bà Đ trên số tiền 44.000.000 đồng. Ngoài ra, toàn bộ yêu cầu khác của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn bà L và ông B liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hui 44.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà L, ông B cư trú tại ấp Tân T, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong việc giải quyết vụ án. Phiên tòa vắng mặt những người làm chứng gồm bà Võ Thị A, ông Lâm Hoàng P, bà Thạch Thị N và ông Thạch Ngọc H, căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án, các đương sự thống nhất trình bày, ngày 06/6/2012 âm lịch bà Đ có tham gia chơi 01 phần/25 phần hui do vợ chồng bà L, ông B làm đầu thảo, mức hui 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần.

Nguyên đơn bà Đ trình bày bà đã góp được 24 lần hui sống, trong đó góp trực tiếp cho chủ hui 14 lần, con ruột bà Đ là Võ Thị Ngọc G góp tiếp cho bà L thêm 10 lần, các lần góp chỉ trực tiếp giao nhận tiền với chủ hui, không biên nhận, không người chứng kiến, đến nay hui đã mãn nhưng bà L vẫn chưa thanh toán tiền hui sống, bà yêu cầu bị đơn trả tiền hui còn nợ 24 lần x 5.000.000 đồng = 120.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng và trừ 1.000.000 đồng bà L đã trả, số tiền còn lại yêu cầu bị đơn thanh toán là 116.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm thanh toán trên số tiền 116.500.000 đồng, tính từ ngày 14/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử.

Trong khi, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông C không thống nhất với nội dung bà Đ trình bày, mà cho rằng bà Đ chỉ góp hui được 09 lần thì ngưng đóng, hui chỉ mở 20 lần thì bế, đồng ý trả cho bà Đ số tiền bà Đ đã đóng 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng đã trả, số tiền còn lại đồng ý trả 44.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật cho bà Đ từ ngày bà Đ yêu cầu đến ngày Tòa án xét xử.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng, nguyên đơn trình bày đã đóng cho bị đơn số tiền hui sống 24 lần, việc đóng hui không giấy tờ, không người chứng kiến. Ngoài lời nói ra, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã đóng cho bị đơn 24 lần hui sống như nguyên đơn trình bày. Lời khai những người làm chứng cũng không trực tiếp chứng kiến việc bà Đ có đóng hui như số lần bà Đ trình bày. Mặt khác, tại phiên tòa đại diện bị đơn chỉ thừa nhận nguyên đơn có đóng 09 lần hui. Tuy nhiên, theo chứng cứ đại diện bị đơn xuất

trình tại phiên tòa là quyền sở theo dõi hui, trong đó có danh sách các hui viên tham gia dây hui 5.000.000 đồng ngày 06-6-2012 âm lịch, tại số thứ tự 15 từ trên xuống có tên Kim Đ được gạch 11 dấu “X”, theo ông C giải thích dấu “X” được bà L gạch để theo dõi số lần hui viên góp hui, trong 11 dấu “X” thuộc hàng của bà Đ có 02 dấu “X” bà L gạch là 02 lần bà L trần hui đóng thay cho bà Đ, thực tế bà Đ chỉ đóng 09 lần. Xét lời giải thích trên là chưa thuyết phục Hội đồng xét xử, do đại diện bị đơn thừa nhận 11 dấu “X” trong hàng đã gạch sau tên Kim Đ là để theo dõi việc đóng hui, nên Hội đồng xét xử có căn cứ tin rằng số lần bà Đ đã đóng là 11 lần theo đúng chứng cứ của bị đơn. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L, ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Đ đối với số tiền hui đã đóng là 11 lần x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng bị đơn đã trả được nguyên đơn thừa nhận, số tiền bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là 54.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả lãi như sau: 54.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng 15 ngày (tính từ ngày 14/10/2018 đến ngày 29/9/2020) = 15.911.100 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Võ Thị L và ông Tống Phước B liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ tiền nợ hui 54.000.000 đồng và tiền lãi 15.911.100 đồng, tổng cộng 69.911.100 đồng. Không chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu chênh lệch 46.588.900 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Đ phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bà L, ông B phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nhưng có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi (trên 60 tuổi), xét yêu cầu miễn án phí của bị đơn là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bà L, ông B.

[7] Qua phân tích như trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[8] Dương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 479 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 10, Điều 15 và Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; khoản 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ về việc đòi bị đơn bà Võ Thị L và ông Tống Phước B có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi còn nợ và tiền lãi chậm thanh toán.

Buộc bị đơn bà Võ Thị L và ông Tống Phước B có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ số tiền còn nợ tổng cộng 69.911.100 đồng (sáu mươi chín triệu chín trăm mười một nghìn một trăm đồng), trong đó tiền hụi 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi 15.911.100 đồng (mười lăm triệu chín trăm mười một nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ đối với số tiền yêu cầu chênh lệch 46.588.900 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu án phí số tiền 2.329.445 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.360.000 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0009951 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Đ số tiền nộp dư 1.030.555 đồng (một triệu không trăm ba mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng). Bị đơn Võ Thị L và ông Tống Phước B được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp